

Số: 09/2026/QĐST-DS

Hải Phòng, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Ph
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dg và bà Đinh Thị T
Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03 /2025/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản*”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 tòa S, A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, sinh năm 1965; Số CCCD: 001065043154 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Ngọc V1: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1974; Số CCCD: 070074003922 – Chức vụ: Giám đốc khối mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ (*Giấy ủy quyền số 226369.24 ngày 23/10/2024*)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình T: Ông Đỗ Ngọc D, sinh năm 1988; Số CCCD: 031088008071 – Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng (*Giấy ủy quyền số 263258.24 ngày 01/12/2024*)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Ngọc D:

- Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1970; Số CCCD: 031087004007 – Nhân viên Ngân hàng

- Ông Đặng Anh T1, sinh năm 1978; Số CCCD: 030078008178 – Nhân viên Ngân hàng

- Ông Dương Lê H1, sinh năm 1989; Số CCCD: 033089000698 – Nhân viên Ngân hàng

- Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1996; Số CCCD: 031096013849 – Nhân viên Ngân hàng

Đều có cùng địa chỉ làm việc tại: Số E T, phường L, thành phố Hải Phòng. (*Giấy ủy quyền số 149152.25 ngày 25/7/2025*)

1.2. Bị đơn:

- Ông Trần Công T3, sinh năm 1973; CCCD số 030073019754
- Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1979; CCCD số 030179008266 (là vợ ông T3)

Cùng địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã L, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng số 6585455.23 ngày 30/11/2023 ký giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Trần Công T3, bà Nguyễn Thị D1; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 6500993.24 ngày 13/8/2024: Số tiền giải ngân: 900.000.000 đồng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7730400.24 ngày 14/8/2024: Số tiền giải ngân: 900.000.000 đồng;

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ ngày 04/12/2023 ký giữa ông Trần Công T3 và Ngân hàng TMCP Q, hạn mức phát hành là 90.000.000 đồng.

Các bên thống nhất như sau: Tổng số tiền nợ gốc của vợ chồng ông Trần Công T3 và bà Nguyễn Thị D1 là 1.890.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng), đã trả: Trả gốc 7.749.391 đồng (Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi một đồng); trả lãi trong hạn là 78.312.329 đồng (Bảy mươi tám triệu, ba trăm mười hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng); trả lãi quá hạn là 88.464 đồng (Tám mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Khoản nợ bị quá hạn thanh toán là ngày 31/3/2025, Ngân hàng TMCP Q đã gửi Thông báo khoản nợ quá hạn cho ông T3, bà D1. Ngày 13/5/2025, Ngân hàng TMCP Q đã chuyển toàn bộ khoản nợ trên sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 09/4/2026, tổng số tiền ông T3, bà D1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q là 2.248.402.465 đồng (Hai tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.882.250.609 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn, sáu trăm lẻ chín đồng), nợ lãi trong hạn là 118.521.343 đồng (Một trăm mười tám triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 247.630.513 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi nghìn, năm trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày 10/4/2026, ông Trần Công T3 và bà Nguyễn Thị D1 còn phải tiếp tục chịu lãi theo thoả thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và lãi theo quy định của Ngân hàng TMCP Q đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2.1. Về thời hạn trả nợ: Các bên thống nhất ông T3, bà D1 cam kết trả toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Q trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 10/4/2026 đến hết ngày 10/5/2026.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày 11/5/2026 nếu ông Trần Công T3 và bà Nguyễn Thị D1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại sản thế chấp để thu hồi khoản nợ, gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 91, địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (cũ), diện tích 134.8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD

365950, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số: CH 07491 do UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 07/4/2022 cho ông Trần Công T3 theo Hợp đồng thế chấp số 4256302.22 ngày 17/11/2022.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 91, địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (cũ), diện tích 130.3m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 365951, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số: CH 07492 do UBND thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 07/4/2022 cho bà Nguyễn Thị D1 theo Hợp đồng thế chấp số DD 6057393.22 ngày 17/11/2022.

Trường hợp số tiền phát mại các tài sản trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông Trần Công T3 và bà Nguyễn Thị D1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ còn lại tại Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp giá trị tài sản phát mại lớn hơn các nghĩa vụ phải trả thì ông Trần Công T3 và bà Nguyễn Thị D1 được trả lại số tiền còn dư sau khi phát mại tài sản.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Công T3, bà Nguyễn Thị Dương C 76.968.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.260.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005828 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Ph